

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3283/TTTr-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số: 8571/2023
ĐẾN Ngày: 23/11/2023
Chuyên: Căn cứ
Số và ký hiệu HS: Luật Tổ chức

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XII, Kỳ họp thứ Mười lăm.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Thực hiện Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số

05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Việc quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên; căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh và quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố theo quy định của Luật NSNN.

Định mức phân bổ ngân sách được quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND tỉnh về cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN, ngân sách của tỉnh và ngân sách của từng địa phương; thực hiện được các chủ trương của Đảng, chế độ chính sách nhà nước đã ban hành, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của mỗi cấp chính quyền địa phương; đồng thời tạo điều kiện cho các địa phương chủ động xây dựng và quyết định ngân sách của mình, khuyến khích các địa phương tăng cường công tác quản lý tài chính ngân sách, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Tuy nhiên, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, đồng thời qua rà soát quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương: Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ,

chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 thì nhận thấy một số nội dung quy định tại một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND không còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và phù hợp với quy định tại các văn bản của Trung ương, cụ thể như sau:

(1) Tại tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 (trang 27) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ chi đào tạo cho Trường Chính trị tỉnh

Căn cứ Báo cáo số 428-BC/TU ngày 14 tháng 8 năm 2023 báo cáo giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; theo đó: *Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh yêu cầu Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định chế độ đặc thù đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng; trong đó, nghiên cứu tăng định mức và cấp ngân sách chi trả giờ giảng dạy tăng thêm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị tỉnh tối đa so với quy định (từ 200 đến 300 giờ); có cơ chế cấp bổ kinh phí (nâng định mức của các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị từ 105 triệu/lớp lên mức cao hơn để thực hiện việc chi trả các hoạt động quản lý lớp và công tác giảng dạy của giảng viên) cho Trường Chính trị tỉnh thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoài định mức mà đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị tỉnh phải thực hiện để đảm bảo các chỉ tiêu đã xác định theo Nghị quyết số 02-NQ/TU đã đề ra.*

Theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc với các cơ quan về dự thảo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh năm 2024 tại Thông báo số 295-TB/VPTU ngày 11 tháng 10 năm 2023 chỉ đạo UBND tỉnh *"Nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung, sửa đổi Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo hướng nâng định mức của các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị từ 105 triệu/lớp lên mức cao hơn nhằm đảm bảo việc chi trả các hoạt động quản lý lớp và công tác giảng dạy của giảng viên Trường Chính trị tỉnh, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, chuẩn bị nguồn nhân sự cho nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031."*

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, đồng chí phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng thời qua rà soát các khoản chi hoạt động và công tác giảng dạy của giảng viên (bao gồm chi phí phục vụ trực tiếp cho các lớp Trung cấp lý luận chính trị và chi phí hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của Trường). Nhận thấy đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị tỉnh phải bố trí tinh gọn và tiếp tục tinh giản theo chủ trương chung của Trung ương, trong khi thực hiện nhiệm vụ chính trị về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh ngày càng nhiều; kinh phí bố trí cho Trường Chính trị

tính để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa đảm bảo chi trả kinh phí tiền tăng thêm giờ cho giảng viên do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định.

Do đó, nhằm đảm bảo việc chi trả kinh phí cho các hoạt động quản lý lớp Trung cấp lý luận chính trị và chi hoạt động thường xuyên của Trường Chính trị tỉnh, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, chuẩn bị nguồn nhân sự cho nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 việc nghiên cứu nâng định mức của các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị từ 105 triệu/lớp lên mức cao hơn và cơ chế cấp kinh phí để chi trả giờ giảng dạy tăng thêm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của Trường Chính trị tỉnh là **cần thiết và phù hợp**.

(2) Tại tiểu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 (trang 38) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về phân bổ theo đơn vị hành chính đối với cấp xã

Ngày 10 tháng 6 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. Theo đó, tại Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai được quy định trên căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP cũng cần phải được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Để triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP nêu trên, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của Chính phủ tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP (thay thế Nghị định 34/2019/NĐ-CP). Đồng thời, giao Sở Tài chính cân đối ngân sách để tham mưu, đề xuất nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện chế độ, chính sách theo quy định, cụ thể dự kiến như sau: **(1) Kinh phí ngân sách Trung ương đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; (2) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70% đối với phần chênh lệch tăng thêm của mức chi theo quy định tại Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân tỉnh (thay thế Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND) so với kinh phí ngân sách Trung ương đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.**

Trên cơ sở đó, các nội dung quy định tiểu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về phân bổ theo đơn vị hành chính đối với cấp xã cũng sẽ không còn phù hợp.

(3) Tại tiết a, b, đ điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 (trang 21, trang 24) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính; Tiểu tiết b tiết 2.2.1 (trang 25) và tiểu tiết b

tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 (trang 27) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập

Trước đây, số lượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2002 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ của các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao và được NSNN bố trí kinh phí để chi trả tiền công, chi khác theo định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh.

Tuy nhiên, ngày 18 tháng 7 năm 2022 Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 40-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, theo đó, tại Điều 2 quy định: *“Biên chế được giao giai đoạn 2022-2026 không bao gồm lao động hợp đồng. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tự quyết định việc sử dụng hợp đồng lao động và trả lương, phụ cấp cho lao động hợp đồng theo quy định từ ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị”*.

Đồng thời Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

+ Tại khoản 5 Điều 3 quy định: *“Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”*

+ Tại khoản 1 Điều 12 quy định: *“Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp do nhà nước bảo đảm một phần kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp do nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động, kinh phí thực hiện hợp đồng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có)”*.

Căn cứ Kế hoạch số 160-KH/TU ngày 26/6/2023 của Tỉnh ủy Gia Lai về kế hoạch biên chế giai đoạn 2022 – 2026 (gắn với lộ trình tinh giản biên chế), từ năm 2024 – 2026 định mức lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ khối cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương không còn được giao số lượng, cấp thẩm quyền chỉ giao số lượng hợp đồng lao động cho các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội.

Như vậy theo quy định từ năm 2024 trở đi không có cơ sở để các cơ quan, đơn vị chính quyền xác định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ để xây dựng dự toán, đồng thời, chưa có mức khoán kinh phí đối với từng loại hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ để tính toán số kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện hợp đồng theo thẩm quyền được quy định.

Do đó, các nội dung quy định tại tiết a, b, đ điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính; Tiểu tiết b tiết 2.2.1 và tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm

2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập cũng cần phải sửa đổi. Đồng thời việc quy định mức khoán kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện hợp đồng đối với một số công việc cần thiết, phục vụ chung của đơn vị (lái xe, bảo vệ, tạp vụ) là hết sức cần thiết và cấp bách để đảm bảo việc phân bổ dự toán chi NSNN theo đúng quy định.

(4) Tại điểm a Khoản 2 Điều 7 (trang 8) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về chi hoạt động kinh tế trong chi thường xuyên nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh; điểm a khoản 2 Điều 8 (trang 14) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về chi hoạt động kinh tế trong chi thường xuyên nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

Tại Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh (tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND), không quy định nhiệm vụ xác định giá đất thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền giá đất cụ thể, như sau:

"Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân."

Căn cứ quy định nêu trên, ngày 04 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 375/QĐ-UBND về việc ủy quyền định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 có quy định như sau:

"Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)

1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Phòng Tài nguyên và Môi

trường cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức xác định giá đất".

Đồng thời, tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất có quy định: "4. Kinh phí để tổ chức xây dựng, điều chỉnh, thẩm định khung giá đất, bảng giá đất; định giá đất cụ thể; theo dõi, cập nhật giá đất tại địa phương, công bố chỉ số biến động giá đất thị trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất và lập bản đồ giá đất được bố trí từ ngân sách nhà nước."

Do đó, cần phải bổ sung nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách để xác định giá đất cụ thể do cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Đồng thời, để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, cần phải bổ sung nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể của cấp huyện vào Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

(5) Tại điểm z Khoản 2 Điều 7 (trang 13) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về chi các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật trong chi thường xuyên nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

Theo quy định tại điểm b Khoản 7 Điều 3 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, cụ thể như sau: "... Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện."

Theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, cụ thể: "f) Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài

chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. ...".

Như vậy theo các quy định nêu trên, đối với các chế độ, chính sách do Nhà nước ban hành (trong đó có chế độ, chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành) có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 đã được phân cấp ngân sách cụ thể cho từng cấp ngân sách theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND. Đối việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước, ngân sách cấp trên sẽ hỗ trợ ngân sách cấp dưới sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện.

Do đó, đề xuất sửa đổi nội dung tại điểm z Khoản 2 Điều 7 để thống nhất với quy định tại điểm f khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND nêu trên, đồng thời tránh trường hợp hiểu các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành là do ngân sách cấp tỉnh phải đảm bảo kinh phí.

(6) Tại tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11 (trang 36) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện

Căn cứ quy định tại mục 4 Phần IV Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025 (đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020):

"4. Nguồn kinh phí

- Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương đã quy định tại Đề án theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí, phân bổ kinh phí thực hiện Đề án cho phù hợp, đúng chế độ chính sách quy định;"

Do đó, đề xuất bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 3 tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11 để đảm bảo phù hợp, thống nhất giữa các văn bản quy định có liên quan.

(7) Tại Điều 13 (trang 41) Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND quy định: *"Hội đồng nhân dân cấp huyện căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan ban hành nghị quyết phân cấp nguồn thu, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện giai đoạn 2022-2025 và hằng năm cho phù hợp";*

Tại điểm h khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định: "h) Quy định về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định khác tại Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước..."

Ngoài ra, một số địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách của địa phương giai đoạn 2022 - 2025 là không đúng thẩm quyền quy định tại h khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND nêu trên. Do đó, nội dung quy định tại Điều 13 này không phù hợp, thống nhất với nội dung đã quy định tại điểm h khoản 2 Điều 3 nêu trên.

Tóm lại, Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là căn cứ quan trọng, chủ yếu, là cơ sở để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán NSNN và phương án phân bổ NSDP năm 2024, đồng thời làm cơ sở để bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo quy định của Luật NSNN. Tuy nhiên, qua 02 năm triển khai thực hiện đã có những bất cập như đã nêu ở trên.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 ⁽¹⁾ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành

⁽¹⁾ Khoản 1, khoản 2 Điều 12 quy định:

"1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước; người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định.

2. Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải đồng thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới đó; trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản mới danh mục văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực..."

văn bản quy phạm pháp luật) và khoản 1 Điều 27 ⁽²⁾ của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và thực hiện các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương thì việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là hết sức cần thiết, cấp bách, đúng thẩm quyền và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và thực hiện các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

2. Quan điểm

Việc ban hành Nghị quyết này đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP); Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

Việc ban hành Nghị quyết này cần đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số

⁽²⁾ Tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”

05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết triển khai, hoàn chỉnh hồ sơ, lấy ý kiến thẩm tra của Sở Tư pháp để hoàn thiện dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, thống nhất nội dung, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND.

Điều 3. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định tại Điều 1 và Điều 2 cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư.”

2. Sửa đổi điểm z khoản 2 Điều 7 như sau:

“z) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.”

3. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện; cấp xã làm chủ đầu tư.”

4. Bổ sung tiết g vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:

“g) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan hành chính, cụ thể như sau:

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc), Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 140 triệu đồng/hợp đồng/năm; các cơ quan hành chính khác là 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô quy định tại tiết này được xác định theo số lượng xe thực tế nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức.

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Xây dựng và các cơ quan hành chính cấp tỉnh khác làm việc chung tại Công sở liên cơ quan; cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh) là 200 triệu đồng/đơn vị/năm.

Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh làm việc chung tại Công sở liên cơ quan (trừ Sở Xây dựng) và cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh là 100 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan đối với Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) là 500 triệu đồng/năm; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 900 triệu đồng/năm; Sở Xây dựng là 600 triệu đồng/năm.”

5. Bổ sung tiểu tiết d vào sau tiểu tiết c tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“d) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh, Trường phổ thông Dân tộc nội trú Đông Gia Lai là 560 triệu đồng/đơn vị/năm.”

6. Sửa đổi quy định về định mức phân bổ chi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị phân bổ theo số lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh tại tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/lớp/năm

STT	Ngành nghề đào tạo	Định mức phân bổ
II	Trường Chính trị tỉnh	
1	Trung cấp lý luận chính trị	120

7. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 8 tiêu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“ - Khoản kinh phí để chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao.”

8. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 6 tiết 2.2.5 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“ - Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Bảo tàng tỉnh là 1.800 triệu đồng/năm; Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh là 600 triệu đồng/năm; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy là 300 triệu đồng/năm; Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San là 200 triệu đồng/năm; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác là 100 triệu đồng/năm”.

9. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiêu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 như sau:

“3.7.3. Phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

- Phân bổ theo định mức chi quy định hiện hành của Trung ương, do ngân sách Trung ương đảm bảo kinh phí.

- Đối với phần kinh phí tăng thêm theo định mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định so với định mức chi theo quy định hiện hành của Trung ương: Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30 %; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70%”.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND

1. Bỏ cụm từ “(kể cả hợp đồng được giao)” tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.
2. Bỏ cụm từ “hợp đồng” tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.
3. Bỏ nội dung “và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập” tại tiết d điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.
4. Bổ sung nội dung “(kể cả Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông)” vào sau cụm từ “Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông” tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.
5. Bỏ nội dung “lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và” tại gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.
6. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 6 tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ 3 tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11.
7. Bãi bỏ Điều 13.

2.2. Bổ sung thêm nội dung vào Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

Bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 vào điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

“- Thực hiện xác định giá đất cụ thể.”

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung

một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tình hình thực hiện quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; Bảng tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia; Phụ lục đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND; Các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận: Hà.

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh Ủy (báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quế

Số: /2023/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư.”

2. Sửa đổi điểm z khoản 2 Điều 7 như sau:

“z) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.”

3. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện; cấp xã làm chủ đầu tư.”

4. Bổ sung tiết g vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:

“g) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan hành chính, cụ thể như sau:

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc), Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 140 triệu đồng/hợp đồng/năm; các cơ quan hành chính khác là 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô quy định tại tiết này được xác định theo số lượng xe thực tế nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức.

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

Sở Xây dựng và các cơ quan hành chính cấp tỉnh khác làm việc chung tại Công sở liên cơ quan; cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh) là 200 triệu đồng/đơn vị/năm.

Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh làm việc chung tại Công sở liên cơ quan (trừ Sở Xây dựng) và cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh là 100 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan đối với Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) là 500 triệu đồng/năm; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 900 triệu đồng/năm; Sở Xây dựng là 600 triệu đồng/năm.”

5. Bổ sung tiểu tiết d vào sau tiểu tiết c tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“d) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh, Trường phổ thông Dân tộc nội trú Đông Gia Lai là 560 triệu đồng/đơn vị/năm.”

6. Sửa đổi quy định về định mức phân bổ chi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị phân bổ theo số lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh tại tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/lớp/năm

<i>STT</i>	<i>Ngành nghề đào tạo</i>	<i>Định mức phân bổ</i>
<i>II</i>	<i>Trường Chính trị tỉnh</i>	
<i>1</i>	<i>Trung cấp lý luận chính trị</i>	<i>120</i>

7. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 8 tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“ - Khoản kinh phí để chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao.”

8. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 6 tiết 2.2.5 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Bảo tàng tỉnh là 1.800 triệu đồng/năm; Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh là 600 triệu đồng/năm; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy là 300 triệu

đồng/năm; Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San là 200 triệu đồng/năm; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác là 100 triệu đồng/năm”.

9. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 như sau:

“3.7.3. Phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

- Phân bổ theo định mức chi quy định hiện hành của Trung ương, do ngân sách Trung ương đảm bảo kinh phí.

- Đối với phần kinh phí tăng thêm theo định mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định so với định mức chi theo quy định hiện hành của Trung ương: Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70%”.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND

1. Bỏ cụm từ “(kể cả hợp đồng được giao)” tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.

2. Bỏ cụm từ “hợp đồng” tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.

3. Bỏ nội dung “và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập” tại tiết d điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.

4. Bổ sung nội dung “(kể cả Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông)” vào sau cụm từ “Chỉ sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông” tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.

5. Bỏ nội dung “lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và” tại gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.

6. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 6 tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ 3 tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11.

7. Bãi bỏ Điều 13.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 vào điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

“- Thực hiện xác định giá đất cụ thể.”

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Số: 736 /TTr-STC

Gia Lai, ngày 19 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Thông báo số 161/TB-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3455/VP-KTTH ngày 15/11/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình đề nghị các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết¹. Thời gian lấy ý kiến góp ý từ ngày 14/11/2023 đến hết ngày 15/11/2023.

Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Sở Tài chính đã có Công văn² gửi Sở Tư pháp để thẩm định dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp³, Sở Tài chính đã nghiên cứu, nghiêm túc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo. Thực hiện lấy ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, thống nhất nội dung, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân

¹ Công văn số: 3807/STC-QLNS ngày 14/11/2023.

² Công văn số: 3853/STC-QLNS ngày 16/11/2023; Công văn số: 3878/STC-QLNS ngày 18/11/2023.

³ Công văn số: 2341/STP-NV1 ngày 17/11/2023; Công văn số: 2349/STP-NV1 ngày 18/11/2023.

tỉnh đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

1. Bộ cục: Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND.

Điều 3. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định tại Điều 1 và Điều 2 cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư.”

2. Sửa đổi điểm z khoản 2 Điều 7 như sau:

“z) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.””

3. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện; cấp xã làm chủ đầu tư.”

4. Bổ sung tiết g vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:

“g) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan hành chính, cụ thể như sau:

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán

trực thuộc), Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 140 triệu đồng/hợp đồng/năm; các cơ quan hành chính khác là 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô quy định tại tiết này được xác định theo số lượng xe thực tế nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức.

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Xây dựng và các cơ quan hành chính cấp tỉnh khác làm việc chung tại Công sở liên cơ quan; cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh) là 200 triệu đồng/đơn vị/năm.

Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh làm việc chung tại Công sở liên cơ quan (trừ Sở Xây dựng) và cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh là 100 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan đối với Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) là 500 triệu đồng/năm; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 900 triệu đồng/năm; Sở Xây dựng là 600 triệu đồng/năm.

5. Bổ sung tiêu tiết d vào sau tiêu tiết c tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“d) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh, Trường phổ thông Dân tộc nội trú Đông Gia Lai là 560 triệu đồng/đơn vị/năm.”

6. Sửa đổi quy định về định mức phân bổ chi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị phân bổ theo số lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh tại tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/lớp/năm

<i>STT</i>	<i>Ngành nghề đào tạo</i>	<i>Định mức phân bổ</i>
<i>II</i>	<i>Trường Chính trị tỉnh</i>	
<i>1</i>	<i>Trung cấp lý luận chính trị</i>	<i>120</i>

7. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 8 tiêu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“ - Khoản kinh phí để chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả

lượng dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao.”

8. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 6 tiết 2.2.5 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Bảo tàng tỉnh là 1.800 triệu đồng/năm; Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh là 600 triệu đồng/năm; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy là 300 triệu đồng/năm; Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đạm San là 200 triệu đồng/năm; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác là 100 triệu đồng/năm”.

9. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 như sau:

“3.7.3. Phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

- Phân bổ theo định mức chi quy định hiện hành của Trung ương, do ngân sách Trung ương đảm bảo kinh phí.

- Đối với phần kinh phí tăng thêm theo định mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định so với định mức chi theo quy định hiện hành của Trung ương: Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70%”.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND

1. Bỏ cụm từ “(kể cả hợp đồng được giao)” tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.

2. Bỏ cụm từ “hợp đồng” tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.

3. Bỏ nội dung “và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập” tại tiết d điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.

4. Bổ sung nội dung “(kể cả Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông)” vào sau cụm từ “Chỉ sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông” tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.

5. Bổ nội dung “lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và” tại gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.

6. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 6 tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ 3 tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11.

7. Bãi bỏ Điều 13.

2.2. Bổ sung thêm nội dung vào Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

Bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 vào điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

“- Thực hiện xác định giá đất cụ thể.”

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành (Tờ trình này thay thế Tờ trình số 735/TTr-STC ngày 17/11/2023 của Sở Tài chính về đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai).

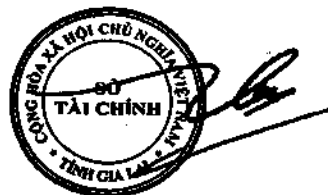
(Xin gửi kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tình hình thực hiện quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; Bảng tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia; Phụ lục đề xuất

sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND; Các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Dũng

PHỤ LỤC BẰNG XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2021/NQ-HĐND
(Kèm theo Tờ trình số: 736/TT-STC ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài chính)

Phụ lục

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/cần có để xuất sửa đổi bổ sung
1	2	3	4
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND			
1	Điều 7. Nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp tỉnh ... 2. Chỉ thường xuyên a) Chỉ hoạt động kinh tế...	1. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng từ 7 điểm a khoản 2 Điều 7 như sau: "- Chỉ xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư."	Tại Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chỉ về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định nhiệm vụ chỉ xác định giá đất cụ thể thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp tỉnh (tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND), không quy định nhiệm vụ chỉ xác định giá đất thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp huyện. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền giá đất cụ thể, như sau: "Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tại định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân." Căn cứ quy định nêu trên, ngày 04 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 375/QĐ-UBND về việc ủy quyền định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 có quy định như sau: "Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) 1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tại định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức xác định giá đất." Đồng thời, tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất có quy định: "4. Kinh phí để tổ chức xây dựng, điều chỉnh, thẩm định khung giá đất, bảng giá đất, định giá đất cụ thể, theo dõi, cập nhật giá đất tại địa phương, công bố chỉ số biến động giá đất thị trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất và lập bản đồ giá đất được bố trí từ ngân sách nhà nước." Do đó, cần phải bổ sung nhiệm vụ chỉ của từng cấp ngân sách để xác định giá đất cụ thể do cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Đồng thời, để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, cần phải bổ sung nhiệm vụ chỉ xác định giá đất cụ thể của cấp huyện vào Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chỉ về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/căn cứ đề xuất sửa đổi bổ sung
2	Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh ... 2. Chi thường xuyên 2) Chi các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật	2. Sửa đổi điểm 2 khoản 2 Điều 7 như sau: "2) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật."	Theo quy định tại điểm 5 Khoản 7 Điều 3 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, cụ thể như sau: "... Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ để với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện." Theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, cụ thể: "7) Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuyển đổi địa phương ưu tiên giai đoạn 2021 - 2025). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện ...". Như vậy theo các quy định nêu trên, đối với các chế độ, chính sách do Nhà nước ban hành (trong đó có chế độ, chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành) có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 đã được phân cấp ngân sách cụ thể cho từng cấp ngân sách theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND. Đối việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước, ngân sách cấp trên sẽ hỗ trợ ngân sách cấp dưới sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Do đó, đề xuất sửa đổi nội dung tại điểm 2 Khoản 2 Điều 7 để thống nhất với quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND nêu trên, đồng thời tránh trường hợp hiểu sai chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành là do ngân sách cấp tỉnh phải đảm bảo kinh phí.
3	Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện ... 2. Chi thường xuyên a) Chi hoạt động kinh tế....	3. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 8 như sau: "a. Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện; cấp xã làm chủ đầu tư."	Tại Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh (tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND), không quy định nhiệm vụ xác định giá đất thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền giá đất cụ thể, như sau: "Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kế hoạch số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1. Quyết định giá đất cụ thể do tỉnh tiến hành bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tại định cư, tỉnh tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân." Căn cứ quy định nêu trên, ngày 04 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 375/QĐ-UBND về việc ủy quyền định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 có quy định như sau: "Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) 1. Quyết định giá đất cụ thể do tỉnh tiến hành bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tại định cư; tỉnh tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức xác định giá đất." Đồng thời, tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất có quy định: "4. Kinh phí để tổ chức xây dựng, điều chỉnh, thẩm định khung giá đất, bảng giá đất; định giá đất cụ thể; theo dõi, cấp phát giá đất tại địa phương, công bố chỉ số biến động giá đất thị trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất và lập bản đồ giá đất được bố trí từ ngân sách nhà nước." Do đó, cần phải bổ sung nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách để xác định giá đất cụ thể do cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Đồng thời, để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, cần phải bổ sung nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể của cấp huyện vào Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/căn cứ đề xuất sửa đổi bổ sung
4		4. Bổ sung tiêu g vào sau tiêu c điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau: "g) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan hành chính, cụ thể như sau: - Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc), Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 140 triệu đồng/năm; các cơ quan hành chính khác là 120 triệu đồng/năm. - Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô quy định tại tiết này được xác định theo số lượng xe thực tế nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức. - Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Xây dựng và các cơ quan hành chính cấp tỉnh khác làm việc chung tại Công sở liên cơ quan; cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh) là 200 triệu đồng/đơn vị/năm. - Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bán vé, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh làm việc chung tại Công sở liên cơ quan (trừ Sở Xây dựng) và cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh là 100 triệu đồng/đơn vị/năm. - Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan đối với Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) là 500 triệu đồng/năm; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 900 triệu đồng/năm; Sở Xây dựng là 600 triệu đồng/năm."	- Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; - Căn cứ Kế hoạch số 160-KH/TU ngày 26/6/2023 của Tỉnh ủy Gia Lai về kế hoạch triển khai giải quyết 2022 – 2026 (gắn với lộ trình tỉnh gần biên chế), từ năm 2024 – 2026 định mức lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ khối cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương không còn được giao số lượng, cấp thẩm quyền chỉ giao số lượng hợp đồng lao động cho các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội. - Như vậy theo quy định từ năm 2024 trở đi không có cơ sở để các cơ quan, đơn vị chính quyền xác định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ để xây dựng dự toán, đồng thời, chưa có mức khoán kinh phí đối với từng loại hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ để tính toán số kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện hợp đồng theo thẩm quyền được quy định. - Do đó, việc bổ sung thêm quy định về mức khoán kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện hợp đồng đối với một số công việc cần thiết, phục vụ chung của đơn vị (Lái xe, bảo vệ, tạp vụ...) là hết mức cần thiết và cấp bách để đảm bảo việc phân bổ dự toán chi NSNN theo đúng quy định. - Trên cơ sở kinh phí chi trả tiền công, hỗ trợ chi thường xuyên của đối tượng là Hợp đồng lao động của năm 2023, Sở Tài chính xây dựng mức khoán kinh phí để cấp cho các cơ quan, đơn vị, chủ động trong việc ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ, đồng với tính toán Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ.
5		5. Bổ sung tiêu tiết d vào sau tiêu tiết c tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau: "d) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của Trường phổ thông Dân tộc nội trú Đồng Gia Lai là 560 triệu đồng/đơn vị/năm."	Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh, Trường phổ thông Dân tộc nội trú Đồng Gia Lai là đơn vị SNCL được ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên, không có nguồn thu học phí và các nguồn thu khác, trong khi trước đây mỗi đơn vị được giao 08 Hợp đồng lao động nên không đảm bảo kinh phí để đơn vị thực hiện Hợp đồng. Do vậy NSNN phải hỗ trợ cho 02 Trường phổ thông DTNT để chi trả tiền công cho Hợp đồng lao động.

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/cần cù để xuất sửa đổi bổ sung
6	Định mức phân bổ chi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của Trường Chính trị tỉnh tại nội dung phân bổ theo số lớp đào tạo tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11: "105 triệu đồng/lớp/năm"	6. Sửa đổi quy định về định mức phân bổ chi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị phân bổ theo số lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh tại tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau: "120 triệu đồng/lớp/năm"	Căn cứ Báo cáo số 428-BC/TU ngày 14 tháng 8 năm 2023 báo cáo giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 295-TB/VPTU ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng Tỉnh ủy. Theo đó: Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định chế độ đặc thù đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng; trong đó, nghiên cứu tổng định mức và cấp ngân sách chi trả giờ giảng dạy tăng thêm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị tỉnh (tối đa so với quy định từ 200 đến 300 giờ); có cơ chế cấp bổ kinh phí (nâng định mức của các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị từ 105 triệu/lớp lên mức cao hơn để thực hiện việc chi trả các hoạt động quản lý lớp và công tác giảng dạy của giảng viên) cho Trường Chính trị tỉnh thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoài định mức mà đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị tỉnh phải thực hiện để đảm bảo các chỉ tiêu đã xác định theo Nghị quyết số 02-NQ/TU đã đề ra; đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, chuẩn bị nguồn nhân sự cho nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031.
		7. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 8 của tiết 6 tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau: "- Khoản kinh phí để chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao."	Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng thời qua rà soát các khoản chi hoạt động và công tác giảng dạy của giảng viên (bao gồm chi phí phục vụ trực tiếp cho các lớp Trung cấp LLCT và chi phí hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của Trường). Nhận thấy đối ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị tỉnh phải bỏ trí tuệ, sức lực và tiếp tục tinh giản theo chủ trương chung của Trung ương, trong khi thực hiện nhiệm vụ chính trị về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh ngày càng nhiều; kinh phí bổ trợ cho Trường Chính trị tỉnh để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa đảm bảo chi trả kinh phí tiền tăng thêm giờ cho giảng viên do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định. Do đó, nhằm đảm bảo việc chi trả kinh phí cho các hoạt động quản lý lớp Trung cấp lý luận chính trị và chi hoạt động thường xuyên của Trường Chính trị tỉnh, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, chuẩn bị nguồn nhân sự cho nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 việc nghiên cứu nâng định mức của các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị từ 105 triệu/lớp lên mức cao hơn và có chế cấp kinh phí để chi trả giờ giảng dạy tăng thêm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của Trường Chính trị tỉnh là cần thiết và phù hợp. Sua khi tính toán cụ thể các khoản chi phục vụ đào tạo các lớp Trung cấp LLCT và chi phí phục vụ hành chính của Trường Chính trị, để xuất nâng định mức phân bổ theo số lớp đào tạo từ 105 lên 120 triệu đồng/lớp. Đồng thời, bổ sung thêm quy định để có cơ sở chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định.
7		8. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 6 của tiết 2.2.5 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau: "- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Bảo tàng tỉnh là 1.800 triệu đồng/năm; Trung tâm Bảo trợ xã hội công hợp tỉnh là 600 triệu đồng/năm; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy là 300 triệu đồng/năm; Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Dân Sơn là 200 triệu đồng/năm; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác là 100 triệu đồng/năm."	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trước đây được giao hợp đồng lao động thì xây dựng kinh phí khoản hợp đồng tương tự các cơ quan hành chính

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/căn cứ đề xuất sửa đổi bổ sung
2	Điều 11. Định mức phân bổ 3. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã 3.7. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính 3.7.2. Đối với cấp xã - Phân bổ bổ sung: + Kinh phí phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kinh phí phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; kinh phí khoán kinh phí hoạt động hằng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; phụ cấp Đại biểu Hội đồng nhân dân xã; phụ cấp ủy xã;	9. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 như sau: “3.7.3. Phân bổ bổ sung Kinh phí được biểu chi để, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau: - Kinh phí ngân sách Trung ương đảm bảo theo quy định hiện hành. - Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70% đối với phân bổ chính sách tăng thêm của mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định so với kinh phí ngân sách Trung ương đảm bảo theo quy định hiện hành”.	1. Căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: “Điều 12. Kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách trung ương và địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan”. (theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Về Quy định chi tiêu một số điều của Luật Ngân sách nhà nước có quy định: Ngân sách địa phương bao gồm: ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã). Đồng thời, để đảm bảo thống nhất với nội dung kinh phí thực hiện theo dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Sở Nội vụ chủ trì soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền ban hành thay thế Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. 2. Phụ cấp Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phụ cấp ủy xã đã căn cứ vào quỹ tiền lương cho các địa phương theo quy định.
Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND			
1	Điều 11. Định mức phân bổ 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh 1.1. Định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính a) Phân bổ theo biểu chi (tổ cả hợp đồng được giao)	1. Bổ sung từ “(tổ cả hợp đồng được giao)” tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.	Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, bổ sung quy định mức khoán kinh phí ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (trong đó đã tính toán tiền công và tiền chi thường xuyên). Do vậy, để xuất bỏ cụm từ “(tổ cả hợp đồng được giao)” tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 11
	Điều 11. Định mức phân bổ 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh 1.1. Định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính b) Phân bổ bổ sung: - Các đơn vị có các khoản chi cho chuyển môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh bao gồm: Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc), Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 50% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao;		Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, bổ sung quy định mức khoán kinh phí ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (trong đó đã tính toán tiền công và tiền chi thường xuyên). Do vậy, để xuất bỏ cụm từ “hợp đồng” tại gạch đầu dòng thứ nhất tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/ căn cứ đề xuất sửa đổi bổ sung
2	Điều 11. Định mức phân bổ 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh 1.1. Định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính b) Phân bổ bổ sung: - Các đơn vị dự toán cấp I có nhiều đơn vị trực thuộc bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo được tính bổ sung thêm 10% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc); Các đơn vị dự toán cấp I có đơn vị trực thuộc còn lại được bổ sung thêm 5% trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế, hợp đồng được giao (không bao gồm biên chế, hợp đồng được giao của các đơn vị trực thuộc và các đơn vị đã được phân bổ bổ sung 20% và 50% nêu trên);	2. Bổ sung từ "hợp đồng" tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.	Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, bổ sung quy định mức khoán kinh phí ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (trong đó đã tính toán tiền công và tiền chi thường xuyên). Do vậy, đề xuất bổ sung từ "hợp đồng" tại gạch đầu dòng thứ ba tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.
3	Điều 11. Định mức phân bổ 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh 1.1. Định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính d) Nội dung khác: Về chi tiêu biên chế: Được xác định trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy (tổ cả biên chế dự bị và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập).	3. Bổ nội dung "và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập" tại tiết d điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.	Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập bất hiện lực
4	Điều 11. Định mức phân bổ 2. Nguyên tắc, định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập 2.2. Định mức phân bổ 2.2.1. Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông	4. Bổ sung nội dung "(tổ cả Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông)" vào sau cụm từ "Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông" tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.	Hiện nay, các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có Trường THPT và Trường THCS&THPT. Do vậy, đối với Trường THCS&THPT có 02 cấp học thì định mức phân bổ theo lớp đã được quy định sẽ thực hiện đối với cả lớp THCS và lớp THPT. Do vậy, đề xuất bổ sung cụm từ "(tổ cả Trường THCS&THPT)" vào sau cụm từ "Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông" tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Tuyệt minh lý do/căn cứ để xuất sửa đổi bổ sung
5	Điều 11. Định mức phân bổ 2. Nguyên tắc, định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập 2.2. Định mức phân bổ 2.2.1. Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông b) Định mức phân bổ quy định tại điểm 2.2.1, khoản 2, Điều 11 Quy định này không bao gồm: - Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của sổ biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí năng lương hằng năm);	5. Bổ nội dung "Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và" tại gạch đầu dòng thứ nhất tiên tiếp b tiếp 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ nhất tiên tiếp b tiếp 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.	Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hết hiệu lực
6	Điều 11. Định mức phân bổ 1. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh 1.1. Định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính b) Phân bổ bổ sung: - Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.	6. Bổ nội dung "Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và" tại gạch đầu dòng thứ 6 tại tiếp b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11	Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hết hiệu lực

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung của đối, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/căn cứ để xuất từ đối bổ sung
7	Điều 11. Định mức phân bổ 3. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã 3.6. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh 3.6.1. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện b) Phân bổ bổ sung - Bổ sung để tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.	6. Bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11.	Hiện nay, việc phân cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết 285/NQ-HĐND được thực hiện theo quy định tại nội dung tại 3, tiểu mục b, mục 3.6.1, điểm 3.6, khoản 3, Điều 11 của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND của cấp. Căn cứ quy định tại mục 4 Phần IV Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025 (đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020): "4. Nguồn kinh phí - Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương đã quy định tại Đề án theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí, phân bổ kinh phí thực hiện Đề án cho phù hợp, đồng chế độ chính sách quy định." Như vậy, căn cứ theo các quy định nêu trên, kinh phí thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND do NSRF đảm bảo (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố) theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành, không phải ngân sách cấp tỉnh phải đảm bảo 100% cho các địa phương. Do vậy, để xuất bổ nội dung tại 3, tiểu mục b, mục 3.6.1, điểm 3.6, khoản 3, Điều 11 của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND: "Bổ sung để tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025".
8	Điều 13. Hội đồng nhân dân cấp huyện căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan ban hành nghị quyết phân cấp nguồn thu, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện giai đoạn 2022-2023 và hằng năm cho phù hợp.	Bổ bổ Điều 13	- Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định: "a) Quy định về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định khác tại Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp tình cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng tỉnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước..." * Ngoài ra, một số địa phương đã ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện giai đoạn 2022 - 2023 là không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND nêu trên. Do đó, nội dung quy định tại Điều 13 này không phù hợp, thống nhất với nội dung điểm a khoản 2 Điều 3 nêu trên.

Điều 3. Bổ sung Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Nội dung tại Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh lý do/căn cứ để xuất sửa đổi bổ sung
1	Điều 1. Phân định nhiệm vụ chỉ hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương; 2. Nhiệm vụ chỉ hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp huyện a) Quản lý đất đai	Bổ sung gạch đầu dòng tại 6 vào điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND như sau: "- Thực hiện xác định giá đất cụ thể."	Tại Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chỉ về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định nhiệm vụ chỉ xác định giá đất cụ thể thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp tỉnh (tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND), không quy định nhiệm vụ xác định giá đất thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp huyện. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền giá đất cụ thể, như sau: "Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tại định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân." Căn cứ quy định nêu trên, ngày 04 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 375/QĐ-UBND về việc ủy quyền định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 có quy định như sau: "Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) 1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tại định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc kê khai xác định giá đất." Đồng thời, tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất có quy định: "4. Kinh phí để tổ chức xây dựng, điều chỉnh, thẩm định khung giá đất, bảng giá đất; đánh giá đất cụ thể; theo dõi, cập nhật giá đất tại địa phương, công bố chỉ số biến động giá đất thị trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất và lập bản đồ giá đất được bố trí từ ngân sách nhà nước." Do đó, để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, cần phải bổ sung nhiệm vụ chỉ xác định giá đất cụ thể của cấp huyện vào Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chỉ về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

BẢNG TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Tờ trình số 736/TTr-STC ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài chính)

Thực hiện khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sở Tư pháp đã có các Công văn số: 2341/STP-NV1 ngày 17/11/2023 v/v thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; 2349/STP-NV1 ngày 18/11/2023 v/v thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (lần 2).

Sở Tài chính báo cáo việc tiếp thu ý kiến, thẩm định tại Công văn số 2341/STP-NV1 và Công văn số 2349/STP-NV1 như sau:

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
Công văn số 2341/STP-NV1 ngày 17/11/2023 của Sở Tư pháp	II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT Đề nghị nghiên cứu các ý kiến nêu tại khoản 3 Mục này; xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.	Tiếp thu và chỉnh sửa

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
	3. Nội dung dự thảo văn bản a) Tại tên gọi của dự thảo văn bản, đề nghị sửa “Quy định ban hành” kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND” như sau: “Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND” nhằm bảo đảm tính chính xác. Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại dòng cuối cùng của phần căn cứ ban hành văn bản, tên Điều 1, tên Điều 2.	Tiếp thu và chỉnh sửa
	b) Tại phần căn cứ ban hành văn bản - Đề nghị sửa “<i>Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 ...</i>” như sau: “<i>Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 ...</i>”. - Căn cứ khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bỏ “<i>Căn cứ Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.</i>”.	Tiếp thu và chỉnh sửa
	c) Tại khoản 1, khoản 3 Điều 1 - Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định: “Điều 1. Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương: 1. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh a) Quản lý đất đai ... - Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất,	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: Để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, cần phải bổ sung nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể của cấp huyện vào Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành:

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
	<u>xác định giá đất cụ thể; lập bản đồ giá đất;</u>" Theo đó, nội dung tại khoản 1, khoản 3 Điều 1 dự thảo văn bản và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND có sự mâu thuẫn, chồng chéo. Đề nghị xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm không mâu thuẫn, chồng chéo quy định giữa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. - Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị thay từ “sau” bằng từ “trước” cho phù hợp.	Điều 3. Bổ sung Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai Bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 vào điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND như sau: “- Thực hiện xác định giá đất cụ thể.”
	d) Tại khoản 2, khoản 9 Điều 1 Căn cứ khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, đề nghị nghiên cứu, xây dựng lại nội dung tại điểm này bảo đảm nội dung được rõ ràng, cụ thể đồng thời bảo đảm tính áp dụng của quy định. Trong đó lưu ý làm rõ các chế độ, chính sách quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc nhiệm vụ chi của những cấp ngân sách nào hay chỉ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh? quy định pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành là theo quy định nào? Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung khác quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (nếu có) nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ.	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: 9. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 như sau: “3.7.3. Phân bổ bổ sung Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau: - Kinh phí ngân sách Trung ương đảm bảo theo quy định hiện hành. - Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
		bảo 70% đối với phần chênh lệch tăng thêm của mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định so với kinh phí ngân sách Trung ương đảm bảo theo quy định hiện hành”.
	đ) Tại khoản 4 Điều 1 - Tại tên khoản, đề nghị sửa “<i>Bổ sung tiết f vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:</i>” như sau: “<i>Bổ sung <u>tiết g</u> vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:</i>”. Tương tự, đề nghị sửa “f)” thành “g)”.	Tiếp thu và chỉnh sửa
	e) Tại khoản 8 Điều 1 Đề nghị sửa “<i>Khoán kinh phí ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ</i>” như sau: “<i>Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ</i>” nhằm bảo đảm thống nhất sử dụng từ ngữ tại dự thảo văn bản. - Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị thay từ “sau” bằng từ “trước” cho phù hợp. - Đề nghị trình bày chính xác tên gọi của đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền như: “<i>Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh</i>” hay “<i>Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu <u>thể dục thể thao tỉnh</u></i>”. - Đề nghị sửa “<i>đơn vị còn lại</i>” như sau: “<i>đơn vị sự nghiệp công lập khác</i>”	Tiếp thu và chỉnh sửa
	g) Tại Điều 2, đề nghị gộp khoản 5, khoản 6; xây dựng nội dung thành 01 khoản nhằm tránh dàn trải nội dung.	Tiếp thu và chỉnh sửa

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
	III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT Đề nghị nghiên cứu các ý kiến nêu tại khoản 3 Mục này; xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.	Tiếp thu và chỉnh sửa
	IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như: Chỉnh sửa một số lỗi chính tả (chỉnh sửa cụm từ “kể từ từ” tại Điều 3).	Tiếp thu và chỉnh sửa
Công văn số 2349/STP-NV1 ngày 18/11/2023 của Sở Tư pháp	IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, chẳng hạn như: Tại phần tên gọi của văn bản, sửa từ “<i>quy định</i>” thành “<i>Quy định</i>”.	Tiếp thu và chỉnh sửa

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và nguồn lực của ngân sách địa phương tại thời điểm xây dựng, tham mưu ban hành quy định, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

I. Tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Tình hình triển khai thực hiện

Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời, trong công tác xây dựng dự toán NSNN, Sở Tài chính đã có

vấn bản hướng dẫn các cơ quan đơn vị thực hiện việc lập dự toán ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015, các văn bản hướng dẫn và theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách đã được HĐND tỉnh.

Việc triển khai Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai, các đơn vị dự toán cấp I đã triển khai đến các đơn vị trực thuộc, các đơn vị sử dụng ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách đã phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức của từng đơn vị (*đặc biệt là đội ngũ công chức, viên chức phụ trách công tác kế toán*).

2. Kết quả thực hiện

Qua gần 02 năm thực hiện quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND) bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số hạn chế cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách mới đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong những năm tiếp theo; trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương về đánh giá những ưu điểm, tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai giữa các cấp ngân sách của tỉnh với những kết quả chủ yếu sau đây:

Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trên cơ sở nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, tất cả 17 đơn vị UBND các huyện, thị xã, thành phố đã trình HĐND cùng cấp ban hành nghị quyết quyết định phân bổ chi ngân sách địa phương hằng năm.

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ 2022-2025 tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về cơ bản phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương, thực hiện đảm bảo các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước giao, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp; là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định giao thu ngân sách và giao số bổ sung cân đối ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố; tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện theo quy định của Luật NSNN. Đồng thời, ngân sách tỉnh vẫn giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động xây dựng và quyết định ngân sách của mình, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, khuyến khích các địa phương trong việc quản lý tài chính ngân sách, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách

hiệu quả, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của địa phương.

Cụ thể như sau:

2.1. Về phân cấp nguồn thu

Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND đã phân cấp tương đối cụ thể, có khả thi, phát huy được tính chủ động nâng cao vai trò, trách nhiệm của địa phương trong việc quản lý điều hành ngân sách, thực hiện những nhiệm vụ chi đã được giao; tạo động lực cho các huyện, thị xã, thành phố nuôi dưỡng nguồn thu, chủ động khai thác tiềm năng trong việc huy động nguồn thu ngân sách để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho thời kỳ 2022-2025 đảm bảo phù hợp phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư trình độ quản lý từng vùng, từng địa phương. Các đơn vị đã thực hiện đúng theo tinh thần hướng dẫn của cơ quan tài chính cấp trên khi xây dựng dự toán hàng năm, cơ chế phân cấp được quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của 03 cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã). Việc phân cấp nguồn thu đã tạo sự chủ động cho các địa phương trong quản lý, điều hành ngân sách, gắn nhiệm vụ thu ngân sách với trách nhiệm quản lý, nuôi dưỡng, khai thác các nguồn thu.

2.2. Về phân cấp nhiệm vụ chi

Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các cấp chủ động và tự chịu trách nhiệm đối với việc quản lý, điều hành ngân sách. Phân cấp nhiệm vụ chi đã bám sát phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, cụ thể nhiệm vụ chi đầu tư và chi thường xuyên ngân sách giữa các cấp ngân sách; chi đầu tư tập trung vào các dự án mang tính cấp thiết; chi thường xuyên đã phân cấp tập trung vào chi lĩnh vực giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường, quản lý hành chính, đảm bảo xã hội, quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí đầu tư phát triển, an sinh xã hội, cải cách tiền lương, đối ứng thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

2.3. Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

- Hệ thống tiêu chí phân bổ ngân sách tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND cụ thể, rõ ràng, đơn giản và đảm bảo tính công bằng, hợp lý giữa các địa phương; đã bao quát cơ bản các lĩnh vực chi thường xuyên của ngân sách Nhà nước, đặc biệt đã đảm bảo chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội, cải cách tiền lương ổn định đời sống cho nhân dân.

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cơ bản phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của các cấp ngân sách; đồng thời, là công cụ kiểm soát chi, tăng cường tính công khai minh bạch trong phân phối và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, góp phần giảm lãng phí... Việc chấp hành, triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Nhà nước và Nghị quyết của HĐND tỉnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi thường xuyên, tạo sự chủ động trong công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị. Việc phân bổ ngân sách đã cụ thể hóa định mức phân bổ ngân sách của Trung ương, phù hợp với điều kiện của tỉnh

Gia Lai trên cơ sở kế thừa kết quả đạt được của những định mức phân bổ ngân sách đã có trước đây của tỉnh.

- Việc xây dựng tiêu chí phân bổ ngân sách đã tuân thủ theo tiêu chí quy định như quy mô dân số có phân loại theo 4 vùng (cơ cấu dân số), quỹ tiền lương, số đơn vị hành chính, loại đô thị, số di tích lịch sử, văn hóa, xã biên giới, số lượng học sinh theo vùng, số giường bệnh theo quy mô bệnh viện, đưa vào cân đối chi các chế độ, chính sách hiện hành, tạo điều kiện cho ngân sách cấp huyện và xã có kinh phí đảm bảo chi cho các chế độ, chính sách và các khoản chi cần thiết theo quy định của nhà nước.

- Việc chi trả kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Vì vậy, định mức chi quản lý hành chính giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh bao gồm kinh phí xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật đã dần tạo sự công bằng giữa các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên.

3. Hạn chế, bất cập và phản ánh khó khăn của các sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong giai đoạn 2022-2025

Bên cạnh những kết quả nổi bật trong thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì vẫn còn khó khăn, tồn tại một số bất cập, vướng mắc như sau:

3.1. Về phân cấp nguồn thu

- Trong quá trình thực hiện phân cấp, một số nhiệm vụ chi chưa được quy định trong phân cấp; một số địa phương chưa chủ động cân đối ngân sách để bố trí dự toán cho nhiệm vụ chi thuộc trách nhiệm của cấp mình, trong khi còn số kết dư lớn vẫn đề nghị ngân sách cấp trên hỗ trợ, nhiệm vụ chi cấp huyện, cấp xã.

- Tốc độ tăng trưởng thu ngân sách cho cả giai đoạn 2022-2025 đạt thấp. Nguồn thu đã phân cấp chưa đáp ứng nhu cầu cân đối các nhiệm vụ chi được phân cấp cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố.

3.2. Về phân cấp nhiệm vụ chi

- Một số nội dung chi có sự thay đổi hoặc bổ sung nhiệm vụ phát sinh theo các quy định của luật hoặc các văn bản của Trung ương, địa phương nhưng chưa được điều chỉnh, thay đổi kịp thời, cũng như chưa bổ sung kinh phí nên các huyện, thị xã, thành phố phải tự cân đối và cắt giảm các khoản chi khác để triển khai, thực hiện đảm bảo nhiệm vụ.

- Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND quy định chi cho hoạt động trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo chưa đảm bảo theo định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, thực hiện tinh giảm biên chế hằng năm theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương dẫn đến tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đạt theo định mức, phát sinh chi phí cho dạy tăng, dạy thay và tiền lương cho hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

3.3. Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

Trong quá trình triển khai vận dụng các quy định vào thực tiễn vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2022 chưa cập nhật được yêu cầu đổi mới theo tinh thần các Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) trong việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công, yêu cầu triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; đồng thời, một số chính sách, chế độ (cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương, tiền công cho lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ) đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND quy định cụ thể như sau:

a) Tại tiết a, b, d điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ chi cơ quan, đơn vị quản lý hành chính; Tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Trước đây, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ của các cơ quan, đơn vị thuộc biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN được cấp có thẩm quyền giao và được NSNN bố trí kinh phí để chi trả tiền lương, chi khác theo định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND. Tuy nhiên, ngày 18 tháng 7 năm 2022, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 40-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, theo đó, tại Điều 2 quy định: *“Biên chế được giao giai đoạn 2022-2026 không bao gồm lao động hợp đồng. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tự quyết định việc sử dụng hợp đồng lao động và trả lương, phụ cấp cho lao động hợp đồng theo quy định từ ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị”*. Như vậy, theo quy định từ năm 2024 trở đi không có cơ sở để các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán và Sở Tài chính tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan, đơn vị để chi trả tiền công, chi thường xuyên đối với hợp đồng lao động do đơn vị tự quyết định. Do vậy, việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ kinh phí để các cơ quan, đơn vị đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện hợp đồng đối với một số công việc cần thiết, phục vụ chung của đơn vị (Lái xe, bảo vệ, tạp vụ) là hết sức cần thiết.

b) Tại Tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về định mức phân bổ chi đào tạo cho Trường Chính trị tỉnh; theo Thông báo số 295-TB/VPTU ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng Tỉnh ủy. Theo đó, UBND tỉnh *“Nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung, sửa đổi Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm*

2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo hướng nâng định mức của các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị từ 105 triệu/lớp lên mức cao hơn để thực hiện việc chi trả các hoạt động quản lý lớp và công tác giảng dạy của giảng viên) cho Trường Chính trị tỉnh thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoài định mức mà đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị phải thực hiện để đảm bảo các chỉ tiêu đã xác định theo Nghị quyết 02-NQ/TU đã đề ra.”

c) Tại Tiểu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND về phân bổ theo đơn vị hành chính đối với cấp xã. Ngày 10 tháng 6 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. Thực tế, năm 2023 tỉnh đã bổ sung thêm 45% (20% cho năm 2022 và 25% cho 2023) số kinh phí chênh lệch giữa nghị định 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND, phần còn lại do ngân sách cấp huyện cân đối, một phần gây khó khăn cho việc điều hành ngân sách của địa phương. Như vậy, các nội dung quy định về phân bổ theo đơn vị hành chính đối với cấp xã cũng sẽ không còn phù hợp.

d) Tại tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11 Định mức phân bổ chi quốc phòng an ninh cấp huyện: Phân bổ theo dân số, định mức phân bổ thấp không đảm bảo kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh, từ tháng 7/2023 mức lương cơ sở tăng dẫn đến các khoản chế độ, chính sách thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND tăng như phụ cấp trách nhiệm, đặc thù quân sự, tiền công khi huấn luyện, huy động dân quân trực các ngày Lễ trong năm.

đ) Đối với các Nghị quyết HĐND huyện, thị xã, thành phố đã ban hành:

- Việc một số UBND các huyện, thị xã trình HĐND cùng cấp ban hành nghị quyết phân cấp nguồn thu, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện giai đoạn 2022-2025¹ là không đúng thẩm quyền quy định tại điểm h khoản 2 Điều 3

¹ HĐND huyện Kông Chro ban hành Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 “Về việc phân cấp nguồn thu, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Kông Chro”; HĐND huyện Kbang ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 ban hành “Quy định phân cấp nguồn thu, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Kbang”; HĐND thị xã Ayun Pa ban hành Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí và mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thị xã Ayun Pa; HĐND huyện Chư Sê ban hành Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 về việc sửa đổi Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện, xã cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê và Nghị quyết 124/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Chư Sê Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phê duyệt định mức và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện, xã cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê; HĐND huyện Chư Păh ban hành Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 về việc phê duyệt định mức để xây dựng và phân bổ dự toán chi thường xuyên cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho ngân sách xã, thị trấn thời kỳ 2022-2025; HĐND huyện Ia Pa ban

Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND (Theo khoản 9 Điều 30 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 nội dung này thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh).

- Tại phần căn cứ pháp lý², trích yếu và Điều 13 của các Nghị quyết một số huyện, thị xã, thành phố là chưa phù hợp với Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (theo nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp quy định tại khoản 1, 2 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 là “*quyết định*”).

II. Đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

1. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND

Với những ưu điểm và hạn chế đã trình bày ở khoản 3 Mục I nên cần phải sửa đổi, bổ sung để trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi thường xuyên, sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, những thay đổi chính sách chế độ trong thời gian thực hiện Nghị quyết đến thời điểm báo cáo đánh giá.

Nhận thấy một số nội dung quy định tại một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND không còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương mới ban hành:

(i) Đối với Trường Chính trị tỉnh thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoài định mức mà đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường Chính trị phải thực hiện để đảm bảo các chỉ tiêu đã xác định theo Nghị quyết 02-NQ/TU đã đề ra nhằm đảm bảo việc chi trả các hoạt động quản lý lớp và công tác giảng dạy của giảng viên Trường Chính trị tỉnh, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, chuẩn bị nguồn nhân sự cho nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 việc nghiên cứu **nâng định mức của các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị từ 105 triệu/lớp lên mức cao hơn cho Trường Chính trị tỉnh là cần thiết và phù hợp.**

(ii) Đối với Nghị quyết triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP: Thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh thay thế Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của Chính phủ tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ (*thay thế Nghị định số*

hành Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 “Về phương án phân cấp nguồn thu và phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Ia Pa”; HĐND huyện Krông Pa ban hành Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 “Về việc phê duyệt phương án phân bổ thu, chi ngân sách cho giai đoạn ổn định 2022-2025”; HĐND huyện Mang Yang ban hành Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 “Về việc ban hành phương án phân bổ dự toán ngân sách chi thường xuyên cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Mang Yang”; HĐND huyện Phú Thiện ban hành Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 “Về việc ban hành phương án phân cấp nguồn thu và phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 của các đơn vị dự toán cấp huyện và ngân sách xã trên địa bàn huyện Phú Thiện”;

² HĐND các huyện: Kbang, Kông Chro, Đak Đoa, Krông Pa, Ia Pa, Chư Pưh, Chư Sê, Chư Păh, Ia Grai.

³ HĐND các huyện: Kông Chro, Đak Pơ, Mang Yang, Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Chư Prông, Chư Pưh, Chư Sê, Chư Păh, Ia Grai.

34/2019/NĐ-CP). Theo đó, có đề xuất nguồn kinh phí để đảm bảo như sau: Ngân sách trung ương đảm bảo mức khoán kinh phí theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; phần chênh lệch giữa mức khoán của địa phương theo Nghị quyết của HĐND tỉnh so với mức khoán quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, dự kiến: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%, ngân sách huyện, xã đảm bảo 70%. Trên cơ sở đó, đề nghị HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND đối với quy định về tiêu chí phân bổ bổ sung chi quản lý hành chính theo phân cấp ngân sách hiện hành.

(iii) Đề xuất cơ chế hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để ký hợp đồng lao động: Cần thiết đề xuất xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai để đảm bảo kinh phí chi trả lương hợp đồng lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, đúng theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và đảm bảo kinh phí cho lao động hợp đồng hoạt động chỉ hoạt động thường xuyên theo đề nghị các cơ quan, tổ chức có liên quan.

(iv) Đối với nhiệm vụ chỉ xây dựng giá đất cụ thể chưa được phân cấp nhiệm vụ chi tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, kiến nghị HĐND tỉnh xem xét bổ sung phân cấp nhiệm vụ chi trên như sau: Ngân sách tỉnh đảm bảo đối với các dự án do tỉnh đầu tư; ngân sách huyện đảm bảo đối với các dự án do huyện đầu tư.

(v) Đề xuất xem xét bỏ nội dung thứ 3, tiểu mục b, mục 3.6.1, điểm 3.6, khoản 3, Điều 11 của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND: *"Bổ sung để tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025"*.

Trên cơ sở đó, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và thực hiện các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương mới ban hành thì việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là hết sức cần thiết, cấp bách, đúng thẩm quyền và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Nguyên tắc điều chỉnh

Kế thừa quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; chỉ điều chỉnh, bổ sung một số nội dung ảnh

hưởng lớn đến điều hành ngân sách để phù hợp với yêu cầu trong thời gian tới và các quy định hiện hành.

Các Điều còn lại của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND vẫn giữ nguyên ổn định, các nội dung không ảnh hưởng đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo có văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Ngoài ra, sau khi có báo cáo đánh giá giám sát của Ban Kinh tế Ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tài chính sẽ cập nhật, bổ sung và tiếp tục điều chỉnh nội dung vướng mắc, bất cập cho hoàn thiện các nội dung cho đầy đủ.

3. Phương pháp xây dựng

- Kết cấu khoản chi hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong định mức chi thường xuyên.

- Rà soát xem xét, điều chỉnh định mức khoản của một số đơn vị, bổ sung các nhiệm vụ chi đúng cần thiết và bãi bỏ các nội dung không còn phù hợp với quy định hiện hành.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

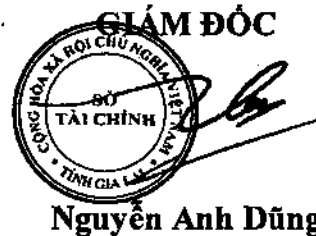
Thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước theo quy định Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan.

Trên đây là một số nội dung Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- Giám đốc và các Phó GĐ Sở ;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Dũng

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2341 /STP-NV1

Gia Lai, ngày 17 tháng 11 năm 2023

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết
sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy
định ban hành kèm theo Nghị quyết
số 05/2021/NQ-HĐND ngày
10/12/2021 của Hội đồng nhân dân
tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân
cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên
tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự
toán chi thường xuyên ngân sách địa
phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên
địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 3853/STC-QLNS¹ ngày 16/11/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản), các tài liệu kèm theo Văn bản số 3853/STC-QLNS, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

¹ Hồ sơ thẩm định cập nhật lúc 9 giờ 15 phút ngày 17/11/2023.

Đề nghị nghiên cứu các ý kiến nêu tại khoản 3 Mục này; xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước; khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại tên gọi của dự thảo văn bản, đề nghị sửa **“Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND”** như sau: **“Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND”** nhằm bảo đảm tính chính xác.

Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại dòng cuối cùng của phần căn cứ ban hành văn bản, tên Điều 1, tên Điều 2.

b) Tại phần căn cứ ban hành văn bản

- Đề nghị sửa **“Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 ...”** như sau: **“Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 ...”**.

- Căn cứ khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bỏ **“Căn cứ Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.”**.

c) Tại khoản 1, khoản 3 Điều 1

- Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định:

“Điều 1. Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương:

1. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh

a) Quản lý đất đai

...
- Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể, lập bản đồ giá đất;”

Theo đó, nội dung tại khoản 1, khoản 3 Điều 1 dự thảo văn bản và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND có sự mâu thuẫn, chồng chéo. Đề nghị xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm không mâu thuẫn, chồng chéo quy định giữa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan².

- Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị thay từ “sau” bằng từ “trước” cho phù hợp.

d) Tại khoản 2, khoản 9 Điều 1³

Căn cứ khoản 3 Điều 9⁴, điểm c khoản 9 Điều 30⁵ Luật Ngân sách nhà nước, đề nghị nghiên cứu, xây dựng lại nội dung tại điểm này bảo đảm nội dung được rõ ràng, cụ thể đồng thời bảo đảm tính áp dụng của quy định. Trong đó lưu ý làm rõ các chế độ, chính sách quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc nhiệm vụ chi của những cấp ngân sách nào hay chỉ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh? quy định pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành là theo quy định nào?

Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung khác quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (nếu có) nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ.

đ) Tại khoản 4 Điều 1

- Tại tên khoản, đề nghị sửa “Bổ sung tiết f vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:” như sau: “Bổ sung tiết g vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:”.

Tương tự, đề nghị sửa “f)” thành “g)”.

e) Tại khoản 8 Điều 1

Đề nghị sửa “Khoản kinh phí ký kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ” như sau: “Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng

² Sở Tư pháp đã có ý kiến tại điểm b khoản 1 Văn bản số 2331/STP-NV1 ngày 15/11/2023 (Sở Tư pháp không thống nhất với ý kiến của Sở Tài chính giải trình việc không tiếp thu ý kiến góp ý).

³ Sở Tư pháp đã có ý kiến tại điểm b, điểm i khoản 1 Văn bản số 2331/STP-NV1 ngày 15/11/2023 (Sở Tư pháp không thống nhất với ý kiến của Sở Tài chính giải trình việc không tiếp thu ý kiến góp ý).

⁴ “3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.”

⁵ “9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này.”

thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ” nhằm bảo đảm thống nhất sử dụng từ ngữ tại dự thảo văn bản.

- Đề nghị trình bày chính xác tên gọi của đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền như: “Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh” hay “Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh”.

- Đề nghị sửa “đơn vị còn lại” như sau: “đơn vị sự nghiệp công lập khác”

g) Tại Điều 2, đề nghị gộp khoản 5, khoản 6; xây dựng nội dung thành 01 khoản nhằm tránh dàn trải nội dung.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Đề nghị nghiên cứu các ý kiến nêu tại khoản 3 Mục này; xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như: Chỉnh sửa một số lỗi chính tả (chỉnh sửa cụm từ “kể từ từ” tại Điều 3).

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản **chưa đủ điều kiện** trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu các ý kiến tại Văn bản này; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản; giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam

Số: 161 /TB-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 07/11/2023

Ngày 07/11/2023, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp để xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền. Tham dự phiên họp có 06/07 Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh, đại diện lãnh đạo: UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các Sở: Tư pháp, Tài chính. Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hồ Văn Niên chủ trì phiên họp.

Sau khi nghe đại diện lãnh đạo Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh báo cáo các nội dung xin ý kiến, trên cơ sở ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp, Thường trực HĐND tỉnh kết luận như sau:

1. Chấp thuận để UBND tỉnh xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Tờ trình số 2924/TTr-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh*) theo trình tự, thủ tục rút gọn (*có nghị quyết riêng*).

Đề nghị UBND tỉnh khi xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh tiếp tục rà soát các nội dung Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (bao gồm: Nguyên tắc phân bổ, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên) để điều chỉnh cho phù hợp.

2. Thường trực HĐND tỉnh thống nhất nội dung báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát Thường trực HĐND tỉnh "*Việc chấp hành các quy định về quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2022*". Trên cơ sở báo cáo kết quả giám sát, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh ban hành thông báo kết luận về kết quả giám sát gửi đến UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kiến nghị theo quy định.

3. Thống nhất chuyên nội dung tổ chức Hội nghị tiếp xúc và đối thoại giữa Thường trực HĐND tỉnh với công chức, viên chức ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh sang thực hiện trong năm 2024.

4. Đối với các nội dung do Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh báo cáo

4.1. Đối với kiến nghị của các doanh nghiệp về việc xây Lò hỏa táng gần Khu công nghiệp Trà Đa mở rộng:

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất như đề xuất của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tại Báo cáo số 124/BC-VP ngày 07/11/2023. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện Dự án Đài hóa thân Hoàn Vũ phải đảm bảo các quy định về khoảng cách an toàn môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường và các quy định pháp luật hiện hành.

4.2. Về việc thăm, tặng quà cho các hộ gia đình chính sách tại điểm tiếp xúc cử tri trước và sau Kỳ họp thứ Mười lăm, HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026:

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất chi 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) từ nguồn kinh phí đặc thù Thường trực HĐND tỉnh để tặng 50 phần quà (mỗi phần quà trị giá 1.000.000 đồng) cho 50 hộ gia đình chính sách tại các điểm tiếp xúc cử tri như đề nghị của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tại Tờ trình số 381/TTr-VP ngày 07/11/2023.

4.3. Việc cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương năm 2023:

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất cử ông Trần Hữu Thành - Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương năm 2023 (theo Công văn số 2627/SNV-CCVC ngày 31/10/2023 của Sở Nội vụ).

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất giao ông Trương Văn Đạt - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh ký ban hành thông báo này.

Thường trực HĐND tỉnh thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan biết và phối hợp triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Văn Đạt



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 295 /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 10 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2924/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số

05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo số 369/BC-BKTNS ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 07 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận đề Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai trình HĐND tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết.

Thời gian trình: Tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT-VP.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

**UBND TỈNH GIA LAI
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3455/VP-KTTH
V/v triển khai Nghị quyết số
295/NQ-HĐND ngày 10 tháng
11 năm 2023 của Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh

Gia Lai, ngày 15 tháng 11 năm 2023.

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp.

Thực hiện Thông báo số 161/TB-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai, hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tại phiên họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng thời gian quy định.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo để các cơ quan triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đ/c CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.



Nguyễn Quảng Hà

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý VÀ Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành
Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Tờ trình số: 736/TTr-STC ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài chính)

STT	Đơn vị địa phương	Ý kiến	Tiếp thu, chỉnh sửa	Không tiếp thu (lý do)
I	Các đơn vị, địa phương tham gia góp ý			
I.1	Đơn vị tham gia góp ý			
1	Sở Tư pháp	b) Tại khoản 1 Điều 1 - Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định nhiệm vụ chi và tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định: "Điều 1. Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương: 1. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh a) Quản lý đất đai ... - Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể, lập bản đồ giá đất;" Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị xây dựng nội dung bảo đảm không mâu thuẫn, chồng chéo quy định giữa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		- Tại điểm a, đề nghị chỉnh sửa cụm từ "cấp tỉnh" bảo đảm nội dung được rõ ràng ("cơ quan cấp tỉnh" hay đối tượng nào?). Tương tự, đề nghị chỉnh sửa từ "huyện" tại khoản 2 Điều 1.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		- Tại điểm b: "b) Sửa đổi, bổ sung điểm 2 khoản 2 Điều 7 như sau: "b) Chi các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành." Căn cứ khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, đề nghị nghiên cứu, xây dựng lại nội dung tại điểm này bảo đảm nội dung được rõ ràng, cụ thể đồng thời bảo đảm tính áp dụng của quy định. Trong đó lưu ý làm rõ các chế độ, chính sách quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc nhiệm vụ chi của những cấp ngân sách nào hay chi thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh? quy định pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành là theo quy định nào? Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung khác quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (nếu có) nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		d) Tại khoản 1 Điều 1 - Đề nghị sửa như sau: ... Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất tiêu đề b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 như sau: "+ Phân bổ bổ sung: ..." Căn cứ khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, đề nghị nghiên cứu, xây dựng lại nội dung tại điểm này bảo đảm nội dung được rõ ràng, cụ thể đồng thời bảo đảm tính áp dụng của quy định. Trong đó lưu ý làm rõ quy định pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành là theo quy định nào?	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		d) Tại khoản 3 Điều 1 - Tại tiêu khoản, đề nghị sửa như sau: "Bổ sung tiết f vào sau tiết ... điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:" nhằm bảo đảm nội dung được chính xác, rõ ràng. Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại các nội dung khác như: Tên khoản 5 Điều 1 - Đề nghị chỉnh sửa nội dung "Khoản kinh phí lý kết hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, cụ thể:" bảo đảm áp dụng từ nghị chính xác, thống nhất với quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Tương tự, đề nghị chỉnh sửa các nội dung khác có liên quan bảo đảm tính chính xác. - Đề nghị bỏ cụm từ "quy định" tại nội dung "theo số lượng có mặt thực tế nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định" bảo đảm nội dung được chính xác. - Đề nghị làm rõ việc khoán kinh phí đối với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có tính "theo số lượng có mặt thực tế nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức" hay không? Xây dựng nội dung bảo đảm rõ ràng. - Tại nội dung "Đối với kinh phí lý kết hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ theo số lượng có mặt thực tế, không vượt quá số lượng người làm việc được giao năm 2023 và tối đa không quá 02 hợp đồng: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm" + Căn cứ khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đồng thời để bảo đảm tính hợp lý, đề nghị bỏ nội dung "không vượt quá số lượng người làm việc được giao năm 2023". Tương tự, đề nghị bỏ nội dung "không vượt quá số lượng người làm việc được giao năm 2023" tại các nội dung khác. + Đề nghị nghiên cứu lại nội dung "tối đa không quá 02 hợp đồng" bảo đảm phù hợp với số lượng công việc được khoán kinh phí (bảo vệ, phục vụ, tạp vụ). + Đề nghị làm rõ "Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng" có thuộc đối tượng áp dụng quy định hay không? Xây dựng nội dung bảo đảm rõ ràng, chặt chẽ. - Đề nghị bổ sung nội dung "phục vụ hoạt động" sau nội dung "trang thiết bị, máy móc" nhằm bảo đảm thống nhất sử dụng từ ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
			Tiếp thu, chỉnh sửa	

STT	Đơn vị/địa phương	Ý kiến	Tiếp thu, chỉnh sửa	Không tiếp thu (lý do)
		d) Tại khoản 4 Điều 1, cần có Điều 1, Điều 2 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, để nghị làm rõ cơ sở pháp lý để xây dựng nội dung tại khoản này; xây dựng nội dung báo đảm phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		e) Tại khoản 5 Điều 1 Nhằm báo đảm nội dung được chặt chẽ, đề nghị bổ sung nội dung "quy định tại ..." vào cuối khoản. Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại khoản 7 Điều 1.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		g) Tại khoản 6 Điều 1 - Nhằm báo đảm nội dung được chính xác, đề nghị bổ sung thành 02 khoản. - Tại điểm a, đề nghị sửa như sau: ... Sửa đổi quy định về định mức phần bổ chi đầu tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính phần bổ theo số lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh tại nội 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau: Đơn vị tính: triệu đồng/năm STT Ngành nghề đào tạo Định mức phần bổ II Trường Chính trị tỉnh 1 Trung cấp lý luận chính trị - hành chính 120 - Tại điểm b, đề nghị sửa nội dung "Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 03 năm 2013 Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính" như sau: "Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính".	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		h) Tại khoản 7 Điều 1, đề nghị nghiên cứu lại cụm từ "Viện dụng"; sử dụng từ ngữ báo đảm chính xác.		
		k) Tại Điều 2 - Đề nghị gộp khoản 2, khoản 3; xây dựng thành 01 khoản nhằm báo đảm nội dung được ngắn gọn. Tương tự, đề nghị gộp khoản 4, khoản 9; xây dựng thành 01 khoản. - Tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, đề nghị sửa "cụm từ" thành "nội dung". - Tại khoản 6, đề nghị chỉnh sửa "Trường THCS&THPT" báo đảm chính xác, không viết tắt từ ngữ khi chưa được quy ước viết tắt. - Tại khoản 7, đề nghị xem xét lại nội dung bổ sung từ "kể cả". Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại khoản 8. - Tại khoản 8, đề nghị bổ sung nội dung "gạch đầu dòng ..." trước nội dung "nếu xét b nội 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11".	Tiếp thu, chỉnh sửa	
		l) Đối với dự thảo Từ trình của UBND tỉnh: "Tại trang 8 của dự thảo: "Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phần bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai - 1. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 7 như sau: - a) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 vào điểm a khoản 2 Điều 7 như sau: "- Chi xây dựng giá đất cụ thể đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư". - b) Sửa đổi, bổ sung điểm x khoản 2 Điều 7 như sau: "- c) Chi các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành." - Đề nghị bổ sung và sửa lại thành: "Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phần bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai 1. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 7 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 5 tại điểm a, khoản 2 điều 7 như sau: "- Do đặc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; thu thập dữ liệu, lưu trữ hồ sơ dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường; các hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; sự nghiệp thông tin truyền thông; hoạt động du lịch"; b) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 8 vào điểm a khoản 2 Điều 7 như sau: "- Chi xây dựng giá đất cụ thể đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư". - c) Sửa đổi, bổ sung điểm x khoản 2 Điều 7 như sau: "- c) Chi các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành." - Các nội dung khác: thống nhất như dự thảo.		Tại gạch đầu dòng thứ 5 tại điểm a, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định như sau: "- Do đặc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính, các hoạt động kinh tế về tài nguyên và môi trường, sự nghiệp thông tin và truyền thông; hoạt động du lịch". Các hoạt động kinh tế về tài nguyên và môi trường của ngân sách cấp tỉnh nêu trên đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày 12/7/2018 về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Mặc dù tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND có quy định nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền giá đất cụ thể: "Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất có thu tiền sử dụng đất; tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất khi để đất giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân." Số Tài chính dự thảo cụ thể nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể của cấp tỉnh, cấp huyện để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Do đó, đề nghị giữ nguyên như Dự thảo, không chỉnh sửa, bổ sung nội dung này theo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Đơn vị/Địa phương	Ý kiến	Tiếp thu, chỉnh sửa	Không tiếp thu (lý do)
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	2. Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh: - Tại trang 2 của dự thảo: "Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai 1. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 7 như sau: a) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 8 vào điểm a khoản 2 Điều 7 như sau: "- Chi xây dựng giá đất cụ thể đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư". b) Sửa đổi, bổ sung điểm x khoản 2 Điều 7 như sau: "x) Chi các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành." - Đề nghị bổ sung và sửa lại thành: "Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai 1. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 7 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 5 tại điểm a, khoản 2 điều 7 như sau: "- Do đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; thu thập dữ liệu, học trả hồ sơ dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường; các hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; sự nghiệp thống kê nguồn thống kê; hoạt động du lịch". b) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 8 vào điểm a khoản 2 Điều 7 như sau: "- Chi xây dựng giá đất cụ thể đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư". c) Sửa đổi, bổ sung điểm x khoản 2 Điều 7 như sau: "x) Chi các chế độ, chính sách để thực hiện nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật về phân cấp ngân sách hiện hành." - Các nội dung khác: thống nhất như dự thảo.		"Tại gạch đầu dòng thứ 5 tại điểm a, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định như sau: "- Do đạc, lập bản đồ, học trả hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; thu thập dữ liệu, học trả hồ sơ dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường; các hoạt động sự nghiệp; sự nghiệp thống kê nguồn thống kê; hoạt động du lịch". Các hoạt động kinh tế về tài nguyên và môi trường của ngân sách cấp tỉnh đều trên đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày 12/7/2018 về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Mặc dù tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND có quy định nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền giá đất cụ thể: "Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kế hoạch số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1. Quyết định giá đất cụ thể đối với đất đai bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tại định cư; tình tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân." Sở Tài chính dự thảo cụ thể nhiệm vụ chi xác định giá đất cụ thể của cấp tỉnh, cấp huyện để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành. Do đó, đề nghị giữ nguyên như Dự thảo, không chỉnh sửa, bổ sung nội dung này theo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.
3	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Quy định "hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ tối đa không quá 02 hợp đồng" là không phù hợp với thực tế tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, đơn vị như Bảo tàng tỉnh Gia Lai được giao 20 người làm việc (Hợp đồng Nghị định 111/NĐ-CP) thực hiện các công việc lái xe, bảo vệ, phục vụ, tạp vụ. Do đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị bỏ nội dung quy định này cho phù hợp với thực tế. Đồng thời, căn cứ mức lương đang chi trả cho các hợp đồng thực hiện công việc lái xe, bảo vệ, phục vụ, tạp vụ theo số lượng có mặt thực tế, định mức quy định theo dự thảo nghị quyết là thấp, vì các hợp đồng thực hiện công việc lái xe, bảo vệ, phục vụ, tạp vụ đã làm lâu năm, đề xuất tăng định mức quy định để đảm bảo thực hiện.	Tiếp thu, chỉnh sửa	Lý do: Mức khoán kinh phí hợp đồng thực hiện công việc lái xe được xây dựng trên cơ sở số giờ soát, tổng hợp theo mức bình quân kinh phí của các cơ quan, đơn vị đang chi trả tiền công cho hợp đồng lao động theo Nghị định 68, Nghị định 161. Đồng thời, tham khảo mức khoán kinh phí của một số địa phương để xây dựng mức khoán kinh phí hợp đồng thực hiện công việc lái xe cho phù hợp trên địa bàn tỉnh.
4	Sở Giao thông Vận tải	Thống nhất nội dung Dự thảo		
5	Thanh tra tỉnh	Thống nhất nội dung Dự thảo		
6	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất nội dung Dự thảo		
7	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất nội dung Dự thảo		

STT	Đơn vị/Địa phương	Ý kiến	Tiếp thu, chỉnh sửa	Không tiếp thu (lý do)
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị bổ sung nội dung điều chỉnh, sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh vào dự thảo Nghị quyết như sau: " + Đối với đơn vị sự nghiệp công lập từ đơn vị quản lý tài sản công chuyển đổi sang doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn tài trợ nghiệp vụ và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa báo đảm chi thường xuyên (phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định). Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp và các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước báo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu phí, thù lao nghiệp vụ được để lại theo chế độ của đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn thiếu; + Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước báo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ấn định trong giai đoạn 2022 - 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 trừ các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp và các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước báo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" Lý do đề xuất: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lâm nghiệp là các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng nhiệm vụ chính là quản lý, bảo vệ rừng, không có hoạt động sản xuất kinh doanh, không có nguồn thu, một số đơn vị có nguồn thu theo khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ là nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, nguồn thu này của các đơn vị sau khi chi trả khoán bảo vệ rừng, nguồn thu còn lại rất thấp, chỉ đủ đảm bảo các nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy rừng và các nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng tại đơn vị. Hơn nữa, nguồn thu dịch vụ môi trường rừng biến động phụ thuộc vào yếu tố thời tiết trong năm. Theo đó việc tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 đối với các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng sẽ không đảm bảo nguồn kinh phí chi hoạt động, thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng trong thời kỳ kế hoạch ngành thực hiện thường xuyên tăng, lượng số sẽ tăng.		Lý do: Theo quy định tại Điều 2 Nguyên tắc, tiền chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 đã quy định cụ thể nội dung này, theo đó, đối với quy định giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016-2020 nhưng trừ các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp là không đúng theo quy định trên.
9	Trường Chính trị tỉnh	Tại điểm a khoản 6 Điều 1, Trường Chính trị tỉnh đề nghị bỏ cụm từ "hành chính" sau cụm từ "Trung cấp lý luận chính trị - hành chính". Lý do, tên gọi đào tạo "Trung cấp lý luận chính trị - hành chính" thực hiện theo Quyết định số 2252/QĐ/HVCTQG ngày 02/5/2019 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành quy chế quản lý đào tạo của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, theo Quyết định số 6468/QĐ/HVCTQG ngày 21/02/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đổi thành tên gọi đào tạo "Trung cấp lý luận chính trị"	Tiếp thu, chỉnh sửa	
10	Cục Thuế tỉnh	Tại điểm b khoản 6 Điều 1, Trường Chính trị tỉnh thống nhất		
11	Báo Gia Lai	Thống nhất nội dung Dự thảo		
12	Bộ phận tham gia góp ý	Đồng ý với Dự thảo		
1	UBND huyện Đak Đoa	1. Đề nghị điều chỉnh điểm a1, mục a, khoản 1, Điều 5 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: "Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách cấp huyện hưởng 10%. Riêng đối với thành phố Pleiku: ngân sách tỉnh hưởng 80%, ngân sách thành phố Pleiku hưởng 20%". Việc tính tỷ lệ % ngân sách cấp huyện hưởng thấp hơn thành phố Pleiku chỉ hợp lý khi số thu tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư từ các địa phương là tương đương. Tuy nhiên, thực tế số thu này ở huyện Đak Đoa trong năm 2022 và 2023 chỉ phân sinh từ 01 dự án và số thu điều tiết cho huyện theo tỷ lệ 10% là không nhiều. Vì vậy, đề nghị tỉnh tăng tỷ lệ điều tiết cho ngân sách huyện để tạo nguồn lực đầu tư cho huyện, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. 2. Đề nghị bổ sung nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện: Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm. 3. Đề nghị điều chỉnh bổ nội dung sau của mục f, khoản 2, Điều 3 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: "... Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cần đến chi ngân sách để thực hiện". Vì theo khoản 4, Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015: "... việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp", nay nhiều khi tỉnh ban hành các chế độ, chính sách (như chế độ theo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh) thì không tính đến sự phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện (dự kiến ngân sách cấp huyện phải đảm bảo 70% kinh phí chi trả chế độ thực hiện Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh) mà yêu cầu các huyện bổ trợ từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi là không phù hợp, không mang tính ổn định và làm hạn chế nguồn lực bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, đầu tư phát triển của địa phương. Để đảm bảo nguồn tài chính cho các chế độ, chính sách mới làm tăng chi ngân sách cấp huyện, đề nghị tỉnh điều chỉnh tăng phần cấp nguồn thu cho ngân sách cấp huyện.		1. Ý kiến thứ 1 của địa phương: Nội dung này đã được Đại biểu HĐND tỉnh thảo luận và thống nhất thông qua tại Kỳ họp thứ Tư, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII từ ngày 08 đến ngày 10 tháng 12 năm 2022. Cụ thể, tại điểm 3.1 mục 3 Phần III Thông báo số 34/TB-HĐND ngày 13/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Thông báo kết quả kỳ họp thứ Tư, HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 có nêu như sau: "Đối với các nội dung qua thảo luận còn có ý kiến khác nhau, Chủ tọa kỳ họp đã lấy ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh bằng phiếu biểu quyết, thống nhất: - Về phân cấp nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: + Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế do UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách cấp huyện hưởng 10%. Riêng đối với thành phố Pleiku: Ngân sách tỉnh hưởng 80%, ngân sách thành phố Pleiku hưởng 20%". Do đó, nội dung này đề nghị giữ nguyên như Dự thảo; không bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của địa phương. 2. Ý kiến thứ 2 của địa phương: Tại gạch đầu dòng thứ 6 điểm a, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định như sau: "... Dự ra, bảo đảm công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chỉ hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật". Tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày 12/7/2018 về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai có quy định nhiệm vụ chi về "Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, xã" thuộc nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp huyện. Do đó, nội dung này đề nghị giữ nguyên như Dự thảo; không bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của địa phương.

STT	Đơn vị/địa phương	Ý kiến	Tiếp thu, chỉnh sửa	Không tiếp thu (lý do)
				4. Ý kiến thứ 3 của địa phương: Nội dung này được xây dựng theo quy định tại điểm b Khoản 7 Điều 3 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, cụ thể như sau: "... Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện.". Do đó, nội dung này để nghị giữ nguyên như Dự thảo; không bổ sung, chỉnh sửa theo kiến nghị của địa phương.
II	Các đơn vị, địa phương không tham gia góp ý			
1	Hội chủ thập đỏ tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
2	Công an tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
3	Sở Công Thương	Thông nhất nội dung Dự thảo		
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thông nhất nội dung Dự thảo		
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thông nhất nội dung Dự thảo		
6	Sở Xây dựng	Thông nhất nội dung Dự thảo		
7	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông nhất nội dung Dự thảo		
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông nhất nội dung Dự thảo		
9	Sở Ngoại vụ	Thông nhất nội dung Dự thảo		
10	Đại hội thành - truyền hình	Thông nhất nội dung Dự thảo		
11	Sở Y tế	Thông nhất nội dung Dự thảo		
12	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
13	Ban Dân tộc	Thông nhất nội dung Dự thảo		
14	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	Thông nhất nội dung Dự thảo		
15	Tỉnh đoàn Gia Lai	Thông nhất nội dung Dự thảo		
16	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
17	Hội Nông dân tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
18	Hội Cựu chiến binh tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
19	BQL DA ĐTXD các công trình tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
20	Trường Cao đẳng Gia Lai	Thông nhất nội dung Dự thảo		
21	Sở Nội vụ	Thông nhất nội dung Dự thảo		
22	Ban Quản lý khu kinh tế	Thông nhất nội dung Dự thảo		
23	Văn phòng UBND tỉnh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
24	UBND huyện Chư Pưh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
25	UBND huyện Đăk Cờ	Thông nhất nội dung Dự thảo		
26	UBND huyện Mang Yang	Thông nhất nội dung Dự thảo		
27	UBND huyện Chư Sê	Thông nhất nội dung Dự thảo		
28	UBND huyện Krông Pa	Thông nhất nội dung Dự thảo		
29	UBND huyện Chư Prông	Thông nhất nội dung Dự thảo		
30	UBND huyện Kông Chro	Thông nhất nội dung Dự thảo		
31	UBND huyện Chư Păh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
32	UBND thị xã Ayun Pa	Thông nhất nội dung Dự thảo		
33	UBND huyện Kông Chro	Thông nhất nội dung Dự thảo		
34	UBND huyện Ia Pa	Thông nhất nội dung Dự thảo		
35	UBND huyện Phú Thiện	Thông nhất nội dung Dự thảo		
36	UBND huyện Khánh	Thông nhất nội dung Dự thảo		
37	UBND huyện Ia Grai	Thông nhất nội dung Dự thảo		
38	UBND thị xã An Khê	Thông nhất nội dung Dự thảo		
39	UBND thành phố Pleiku	Thông nhất nội dung Dự thảo		

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2349/STP-NV1

Gia Lai, ngày 18 tháng 11 năm 2023

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (lần 2)

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 3878/STC-QLNS ngày 18/11/2023 của Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản), các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 3878/STC-QLNS, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự thảo văn bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước; khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

Thống nhất nội dung dự thảo văn bản.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

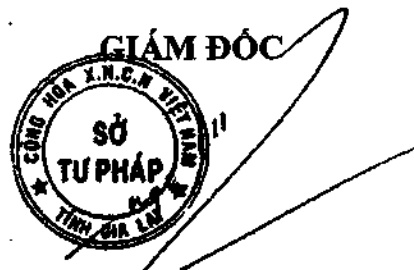
IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, chẳng hạn như: Tại phần tên gọi của văn bản, sửa từ “*quy định*” thành “*Quy định*”;..

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.



Lê Thị Ngọc Lam